

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua vào ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 2201/2026/TB-TLVDS ngày 22 tháng 5 năm 2026, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1/ Bà **Trần Thanh T** Sinh năm: 1985

CCCD số 084185011416 cấp ngày 17/12/2024 tại **Cục C** về TTXH

Địa chỉ thường trú: **Căn hộ D, Chung cư P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2/ Ông **Phan Việt S** Sinh năm: 1981

CCCD số 084081006347 cấp ngày 07/08/2022 tại **Cục C** về TTXH

Địa chỉ thường trú: **Căn hộ D, Chung cư P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà **Trần Thanh T** và ông **Phan Việt S** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn C, huyện C (xã C) tỉnh Trà Vinh** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 đăng ký ngày 05/02/2009.

[2] Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 6 năm 2026 giữa bà **Trần Thanh T** và ông **Phan Việt S** đã có sự thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thanh T** và ông **Phan Việt S** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà **Trần Thanh T** và ông **Phan Việt S** có 01 con chung tên **Phan Việt K**, sinh ngày 30/6/2010. Khi ly hôn ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông **S** cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Bắt đầu thi hành từ tháng 6 năm 2026.

Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông S, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh T và ông Phan Việt S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thanh T và ông Phan Việt S có 01 con chung tên Phan Việt K, sinh ngày 30/6/2010. Khi ly hôn ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông S cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Bắt đầu thi hành từ tháng 6 năm 2026. Thi hành tại cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí ly hôn 300.000 đồng, bà Trần Thanh T và ông Phan Việt S phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền lệ phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà T và ông S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027829 ngày 06/05/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông S đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV5;
- THADS TPHCM;
- Đương Sự;
- Lưu VP(Hồ Sơ);

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Thủy